TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Duy Tỏi
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13-9-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị M**, sinh năm 1996.

ĐKHKTT: thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1996;

ĐKHKTT: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau năm 2016, được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hoà thuận, hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như trong công việc, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bên cạnh đó, anh D có thái độ cư xử không đúng mực, nhiều lần xúc phạm chị và mẹ đẻ chị. Từ mẫu thuẫn của vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa hai gia đình thông gia, không

nhìn mặt nhau. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên từ ngày 11-4-2017 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Thời gian ly thân, anh D không đến tìm chị mà thường xuyên đến gây sự, chửi bới xúc phạm chị và bố mẹ đẻ chị. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống và nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị M đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống vui vẻ, hoà thuận, đến khi chị M có bầu, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong sinh hoạt và công việc. Cụ thể, thời điểm đó chị M chưa học xong nên anh và gia đình muốn chị M đi làm gần nhà và sinh con. Tuy nhiên chị M không đồng ý, yêu cầu gia đình anh phải chuẩn bị một khoản tiền cho gia đình chị xin việc cho chị, do anh và gia đình đã có quan điểm rõ ràng và khuyên bảo chị ấy cứ từ từ nhưng chị M không nghe. Sau đó, chị M đã tự mang tư trang về nhà mẹ đẻ ở và sinh con. Từ khi chị M về nhà bố mẹ đẻ, anh và gia đình không tìm mà chỉ đến khi sinh con, anh và gia đình anh đến thăm con, cho quần áo, tiền mua sữa cho cháu, vợ chồng không đoàn tụ lần nào, sau đó chị M gửi đơn ly hôn đến Toà án. Quan điểm của anh vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn, trường hợp chị M vẫn cương quyết ly hôn thì chị ấy tự giải quyết. Anh cũng xác định không thể hoà giải được với chị M về quan hệ vợ chồng, đề nghị Toà án không cần phải tiến hành hoà giải, vì có tổ chức hoà giải anh cũng không đến Toà án làm viêc.

Về con chung: Chị M và anh D đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trương Minh H, sinh ngày 10-6-2017 hiện đang ở với chị M. Tại đơn khởi kiện và lời khai ban đầu, chị M xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh D cũng có quan điểm do cháu còn quá nhỏ nên nhất trí giao con cho chị M nuôi dưỡng và không nhất trí cấp dưỡng nuôi con, nếu chị M không nuôi được con thì đưa con về anh sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Sau đó chị M thay đổi quan điểm, tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị M và anh D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Hữu D vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại

phiên họp và phiên hòa giải là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

- Về con chung: Giao chị Trương Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trương Minh H, sinh ngày 10-6-2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Hữu D không yêu cầu nên Toà án giải quyết.

- Án phí: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hữu D được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện ngày 23-11-2016 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Theo chị M trình bày: anh D có thái độ cư xử không đúng mực, nhiều lần xúc phạm chị và bố mẹ chị; từ mâu thuẫn vợ chồng đẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên thông gia không nhìn mặt nhau. Theo anh D trình bày: bên cạnh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong sinh hoạt, còn do bất đồng về công việc của chị M, cụ thể chị M thích làm theo ý mình và không nghe sự bố trí, sắp xếp của anh và gia đình anh, sau đó tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con, từ đó anh cũng không đến nói chuyện, tìm chị M nữa, vợ chồng sống ly thân. Mặc dù anh D xác định vẫn còn yêu thương chị M, không đồng ý ly hôn, tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng và trực tiếp làm việc với anh D nhưng anh D không đến Toà án để

làm việc, từ chối tham gia hoà giải, chứng tỏ anh D không có thiện chí để vợ chồng về đoàn tụ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh D cũng không có giải pháp nào khắc phục mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trương Minh H, sinh ngày 10-6-2017, hiện con chung mới được hơn 03 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Anh D cũng có quan điểm do cháu còn nhỏ nên nhất trí giao con cho chị M nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu H, Toà án cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị M khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

2- Về con chung: Giao chị Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trương Minh H, sinh ngày 10-6-2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị M, anh D không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4- Án phí: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0003942 ngày 12-7-2017.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân